

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỊNH BIÊN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 30/6/2020  
“V/v tranh chấp hôn nhân và  
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Châu Cương;
2. Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quốc Trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hoàng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HN, ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị Kim X, sinh năm 1992, nơi cư trú: khóm X, thị trấn T, huyện B, tỉnh An Giang.

*Bị đơn:* Ông Lê Văn G, sinh năm 1989, nơi cư trú: khóm X, thị trấn T, huyện B, tỉnh An Giang.

Bà X, ông G vắng mặt (có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim X trình bày:*

Nguyên đơn và bị đơn ông Lê Văn G tự quen biết, tìm hiểu nhau và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 đến nay (khoảng 15 năm), không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2009 phát sinh mâu thuẫn do bị đơn không chăm lo cuộc sống gia đình, tự ý bỏ nhà chung sống với người phụ nữ khác như vợ chồng. Từ đó, dẫn đến bất đồng quan điểm

sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, nguyên đơn và bị đơn không còn sống chung từ đó đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn.

Về con chung: nguyên đơn và bị đơn có 01 (một) con chung tên Lê Trịnh Mẫn N, sinh ngày 30/6/2010 hiện đang sống cùng nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dạy con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn G thống nhất với trình bày của nguyên đơn về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Giữa nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Bị đơn đồng ý giao con chung tên Lê Trịnh Mẫn N, sinh ngày 30/6/2010 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dạy.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định, bà X, ông G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 đến nay không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận bà X, ông G là vợ chồng.

Đối với con chung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất thỏa thuận con chung sẽ do bà X tiếp tục nuôi dạy, ông G không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của cháu Lê Trịnh Mẫn N (con chung). Do đó, đề nghị công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự, giao cháu N cho bà X tiếp tục nuôi dạy con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét trong vụ án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:***Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Tịnh Biên. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 đến nay (khoảng 15 năm), không đăng ký kết hôn nên không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất có 01 (một) con chung tên Lê Trinh Mẫn N, sinh ngày 30/6/2010, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dạy con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn đồng ý giao con chung cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dạy. Xét, thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của cháu N (con chung) nên công nhận, giao cháu N cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dạy, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn không yêu cầu.

Nguyên đơn cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bị đơn trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án nên không đề cập.

[6] Về án phí, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trịnh Thị Kim X và ông Lê Văn G là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Trịnh Thị Kim X được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Lê Trịnh Mẫn N, sinh ngày 30/6/2010. Ông Lê Văn G không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Trịnh Thị Kim X cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Văn G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Trịnh Thị Kim X phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2017/0009126 ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên; bà X đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Văn G không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An G xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tịnh Biên (2);
- TAND tỉnh An G (1);
- Chi cục THADS huyện Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thanh Tâm**